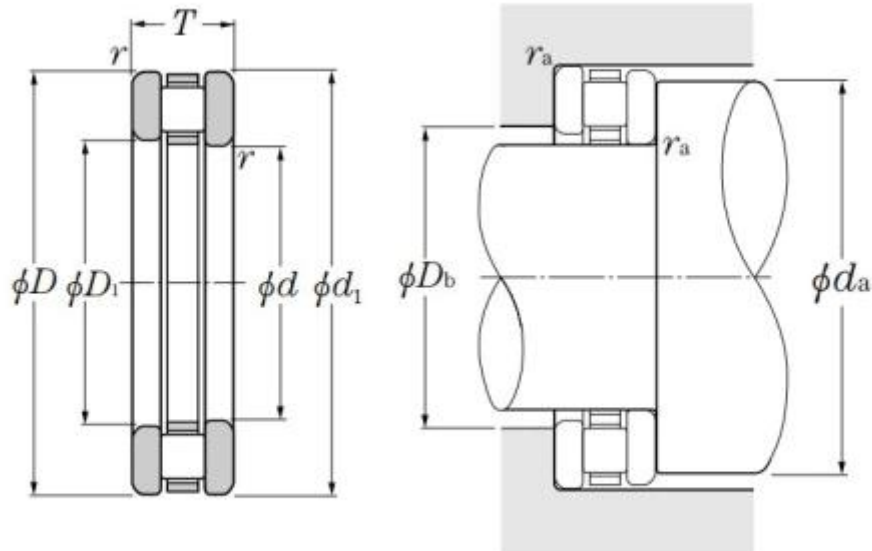


## Bạc đạn NTN 81112T2



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                                                   |          |
|---------------------------------------------------|----------|
| Thương hiệu / Hãng sản xuất                       | NTN      |
| d - Đường kính lỗ của vòng đệm hỗ trợ IR - WS     | 60 mm    |
| D - Đường kính ngoài của vòng đệm đỡ OR - GS      | 85 mm    |
| d1 - Đường kính ngoài của vòng đệm hỗ trợ IR - WS | 85 mm    |
| D1 - Vòng đệm ổ trục đường kính lỗ khoan OR - GS  | 62 mm    |
| T - Chiều cao ổ trục đẩy                          | 17 mm    |
| Dw - Đường kính phần tử lăn                       | 7,5 mm   |
| Dc1 - Đường kính lỗ lồng con lăn                  | 60 mm    |
| Dc - Đường kính ngoài của lồng con lăn            | 85 mm    |
| rs - Bán kính góc lượn tối thiểu                  | 1 mm     |
| Tham khảo lắp ráp lồng                            | K81112T2 |

|                                              |          |
|----------------------------------------------|----------|
| Vòng bi (vòng trong) WS                      | WS81112  |
| Vòng bi (vòng ngoài) GS                      | GS81112  |
| Ea - Đường kính ngoài tham chiếu của con lăn | 80,1 mm  |
| Eb - Đường kính trong tham chiếu của con lăn | 63,7 mm  |
| Trọng lượng                                  | 0,285 kg |
| Trọng lượng lắp ráp lồng                     | 0,083 kg |
| Vòng bi (vòng trong) khối lượng WS           | 0,101 kg |
| Vòng bi (vòng ngoài) GS khối lượng           | 0,101 kg |

#### HIỆU SUẤT SẢN PHẨM

|                                      |             |
|--------------------------------------|-------------|
| Ca - Tải trọng trục động định mức    | 69 kN       |
| C0a - Tải trọng trục tĩnh định mức   | 215 kN      |
| Cua - Tải trọng trục giới hạn        | 26,2 kN     |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn mỡ  | 830 tr/min  |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn dầu | 3300 tr/min |
| Tmin - Nhiệt độ hoạt động tối thiểu  | -20 °C      |
| Tmax - Nhiệt độ hoạt động tối đa     | 120 °C      |

#### GIỚI HẠN

|                                      |       |
|--------------------------------------|-------|
| da min - Đường kính vai tối thiểu IR | 80 mm |
| Db max - Đường kính vai tối đa OR    | 65 mm |
| ras max - Bán kính góc lượn tối đa   | 1 mm  |

**NTN®**



**VOBICO.VN**  
NTN Authorized Distributor